



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 312/QĐ-BSC

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát” của Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 967/QĐ-BSC ngày 17/12/2024 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Các thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản Trị, Ban Điều hành, Trưởng ban Kiểm toán nội bộ, Trưởng phòng tại Trụ sở chính và Chi nhánh, Giám đốc chi nhánh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu BSC./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phạm Thanh Thủy

MỤC LỤC

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	4
CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 3. Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát	4
Điều 4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.....	4
CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	5
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	5
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát	6
Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát.....	6
Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	7
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	7
Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	8
Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	8
CHƯƠNG 3. BAN KIỂM SOÁT.....	9
Điều 14. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.....	9
Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	11
Điều 16. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	12
CHƯƠNG 4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	12
Điều 17. Cuộc họp Ban Kiểm soát	12
Điều 18. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát.....	13
Điều 19. Thông qua quyết định tại cuộc họp của Ban Kiểm soát	14
Điều 20. Biên bản họp Ban Kiểm soát	14
Điều 21. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát.....	14
CHƯƠNG 5. PHƯƠNG THỨC VÀ NỘI DUNG GIÁM SÁT, KIỂM TRA.....	15
Điều 22. Phương thức và nội dung giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát.....	15
CHƯƠNG 6. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	15

Điều 23. Trình báo cáo hàng năm	15
Điều 24. Tiền lương và quyền lợi khác	16
Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan	17
CHƯƠNG 7. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN.....	18
Điều 26. Chế độ cung cấp thông tin	18
Điều 27. Chế độ quản lý thông tin.....	18
CHƯƠNG 8. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	18
Điều 28. Quan hệ với cổ đông.....	18
Điều 29. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.....	18
Điều 30. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	20

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 312/QĐ-BSC ngày 18/04/2025
của Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV)*

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ, hoạt động, trách nhiệm, chế độ làm việc và thông tin, mối quan hệ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (sau đây gọi tắt là Công ty) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng điều chỉnh: Quy chế này áp dụng đối với Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát, các đơn vị, cá nhân tại Công ty có liên quan trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu cùng nghĩa được quy định tại các văn bản pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Điều 3. Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.

2. Các báo cáo, kết luận, kiến nghị, ý kiến do Ban Kiểm soát lập gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý; không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Công ty;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 7 Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên

đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián

đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông tại khoản 6 Điều này.

12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 16 Quy chế này.

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ).

25. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

26. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG 4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Cuộc họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất 2 lần trong 1 năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trưởng Ban triệu tập và làm chủ tọa.

3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị;
- c) Trưởng Ban Kiểm soát; .
- d) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
- e) Tổng Giám đốc;

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.

5. Thành viên Ban Kiểm soát được coi là tham dự và có ý kiến tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và có ý kiến trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và có ý kiến nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát chấp thuận;
- c) Tham dự và có ý kiến thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu ý kiến đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử cá nhân của thành viên Ban Kiểm soát;
- đ) Gửi phiếu ý kiến bằng phương tiện khác phù hợp với quy định trong Điều lệ công ty.

6. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên của Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 18. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát, Bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát (nếu có) chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát trước khi tiến hành họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát bao gồm: nội dung, chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được

kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát.

3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự.

Điều 19. Thông qua quyết định tại cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát.

2. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.

3. Việc thông qua quyết định của Ban Kiểm soát tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định có liên quan.

Điều 20. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng bằng tiếng Việt (có thể bằng Tiếng Anh nếu cần thiết) và phải được tất cả các Thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp (nếu có) chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát và ký tên vào Biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại Ban Kiểm soát.

Điều 21. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát

1. Trường Ban Kiểm soát quyết định việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát bằng văn bản. Ý kiến bằng văn bản được gửi đến tất cả các thành viên và tất cả các thành viên đều phải có ý kiến trả lời. Ý kiến trả lời họp lệ phải được ký hoặc gửi từ email cá

nhân của các thành viên Ban Kiểm soát và gửi về Công ty theo quy định. Ý kiến trả lời bằng một trong hai hình thức trên có giá trị tương đương nhau.

2. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

CHƯƠNG 5. PHƯƠNG THỨC VÀ NỘI DUNG GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 22. Phương thức và nội dung giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm tra thông qua các phương thức sau:

1. Giám sát từ xa.

Căn cứ vào các tài liệu, báo cáo của Công ty gửi về Ban Kiểm soát, thông tin trên mạng Công ty và các báo cáo tài chính, báo cáo khác theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và các thông tin, tài liệu cần thiết khác, Ban Kiểm soát đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, nhận xét và kiến nghị những vấn đề cần phải chấn chỉnh để kịp thời khắc phục các sai phạm hoặc những điểm chưa hợp lý.

2. Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp.

Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp là việc tổ chức thực hiện kiểm tra để xác định tính đúng đắn, trung thực của kết quả hoạt động kinh doanh, số liệu báo cáo, hạch toán và việc triển khai thực hiện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty có đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chủ trương và Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong định hướng phát triển của Công ty, các quy định nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

Ban Kiểm soát có thể thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp hoặc khi xét thấy cần thiết, tiến hành phúc tra kết quả các cuộc kiểm tra và các kiến nghị Ban Kiểm soát, Đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ và tổ chức kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG 6. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 23. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 24. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt

quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG 7. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN

Điều 26. Chế độ cung cấp thông tin

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Các tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp tài liệu, số liệu phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, trung thực, chính xác của các tài liệu, số liệu đã cung cấp.

Điều 27. Chế độ quản lý thông tin

Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

CHƯƠNG 8. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Quan hệ với cổ đông

1. Ban Kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty

Điều 29. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

1. Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị Công ty: Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

a) Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

b) Ban Kiểm soát có nhiệm vụ thông báo độc lập tình hình, kết quả kiểm soát và những kiến nghị cần thiết cho Hội đồng quản trị Công ty. Khi nhận được thông tin, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện kết luận của Hội đồng quản trị.

c) Ban Kiểm soát có thể tham dự họp Hội đồng quản trị Công ty, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề tại cuộc họp nhưng không được tham gia biểu quyết.

d) Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

2. Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát và Ban Điều hành: Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Điều hành, cụ thể:

a) Trong quan hệ công tác, về một số vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính — kế toán, Ban Điều hành có thể tham khảo ý kiến của Ban Kiểm soát.

b) Qua theo dõi, giám sát hoạt động của Công ty, trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện các vấn đề cần sửa đổi, xử lý, hay có vấn đề cần khuyến cáo, lưu ý thì Ban Kiểm soát có thể trao đổi trực tiếp với Tổng Giám đốc hoặc thông báo bằng văn bản cho Tổng Giám đốc để có biện pháp xử lý thích hợp.

3. Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát và hệ thống kiểm tra - kiểm toán nội bộ:

a) Ban Kiểm soát thông qua Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc sử dụng hệ thống kiểm tra - kiểm toán nội bộ tiến hành kiểm tra công tác quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật và quy định, quy chế của Công ty.

b) Phòng Kiểm soát nội bộ/Ban Kiểm toán nội bộ Công ty có nhiệm vụ thông tin chương trình kiểm tra, kiểm toán nội bộ, đề cương kiểm tra, kiểm toán và báo cáo cho Ban Kiểm soát biết những kết quả kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các đơn vị, các khiếu nại, tố cáo thuộc Công ty do phòng Kiểm soát nội bộ/ Ban kiểm toán nội bộ giải quyết theo quy định hiện hành.

4. Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát và các Ban/Phòng nghiệp vụ trực thuộc các đơn vị trong hệ thống Công ty:

a) Ban Kiểm soát thông qua Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên của Công ty giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty để phục vụ việc giám sát kiểm tra.

b) Công ty phải thực hiện nghiêm túc việc gửi đúng kỳ hạn và đầy đủ các thông tin báo cáo theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 30. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG 9. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm chín (09) Chương, ba mươi một (31) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.
3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật; Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Thanh Thủy